TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Bản án số: 62/2019/HNGĐ-ST
Ngày 01-10-2019
V/v "Ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hiền

Ông Đinh Công Trường

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Thanh Trà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 N 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2019/TLST-HNGĐ ngày 09/4/2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/9/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh N 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ X, khu phố M, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. *Bị đơn*: Ông Trương Văn T, sinh N 1971 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ X, khu phố M, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Theo Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày***:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà N và ông Trương Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995 và đã được UBND xã M, huyện T (nay là phường M, thị xã P), tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/7/1996.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà N chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T hay cờ bạc, thường xuyên bỏ nhà và

có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Trong nhiều năm qua, bà N đã phải trả nợ thay cho ông T nhiều lần. Mặc dù, bà N đã nhiều lần khuyên nhủ ông T nhưng vẫn không có kết quả, từ đó dẫn đến mâu thuẫn trong gia đình ngày càm trầm trọng. Từ khoảng tháng 3/2018 đến nay, vợ chồng bà N tuy vẫn sống chung nhà nhưng cả hai không còn quan tâm đến nhau.

Nay, bà N xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông T.

- *Về con chung:* Vợ chồng bà N có 02 người con chung hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* ***Bị đơn ông Trương Văn T:*** Vắng mặt.

* ***Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:***

- *Về tố tụng:* Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý và giải quyết vụ việc trên là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn cũng như Biên bản xác minh tại địa phương nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn;

Về con chung: Có 02 con chung đã trưởng thành nên không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu còn bị đơn vắng mặt và không có ý kiến nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ theo nội dung Đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, xác định vụ việc giải quyết trên thuộc loại quan hệ về "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Việc Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc vắng mặt của bị đơn:* Đối với ông Trương Văn T đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Nội dung giải quyết:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị N và ông Trương Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995, đến năm 1996 cả hai đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định. Do đó hôn nhân của bà N và ông T là hợp pháp.

Theo bà N trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng bà N chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2008 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T hay cờ bạc, thường xuyên bỏ nhà và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Mặc dù, đây chỉ là lời khai của bà N và không có sự xác nhận của ông T, tuy nhiên qua xác minh tại địa phương thể hiện ông T là người hay cờ bạc và giữa vợ chồng T tồn tại những mâu thuẫn là có thật. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo và niêm yết các văn bản tố tụng đối với ông T nhưng ông T vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì. Điều đó thể hiện ông T cũng không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân của mình.

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà N cho bà N được ly hôn với ông T là phù hợp.

[2.2] *Về con chung:* Bà N và ông T có 02 người con chung hiện đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà N không yêu cầu còn ông T vắng mặt không có ý kiến nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Bà N, ông T được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Trương Văn T.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009138 ngày 03/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Như vậy, bà N đã nộp đủ tiền án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm (đối với người vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Minh Nghĩa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ
- Lưu hồ sơ.